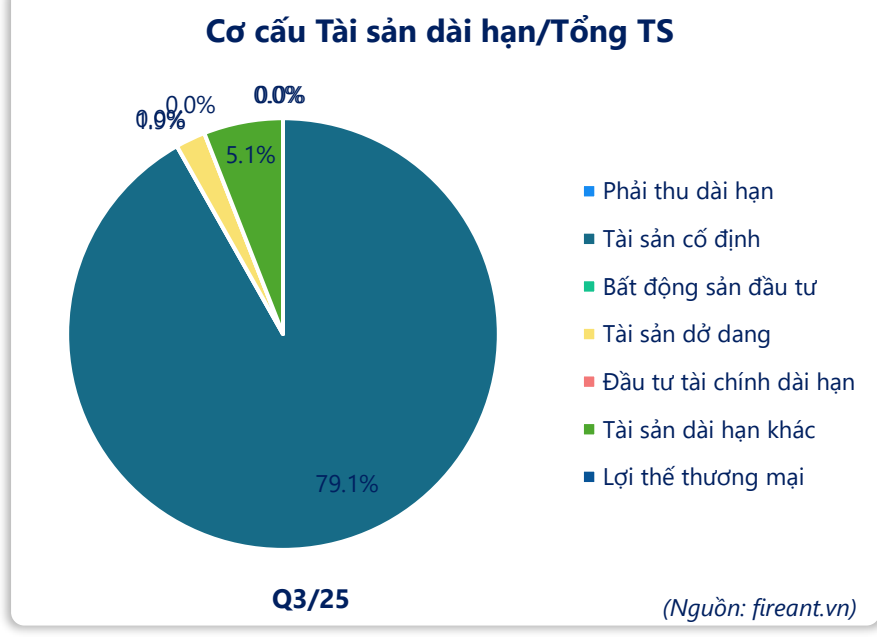
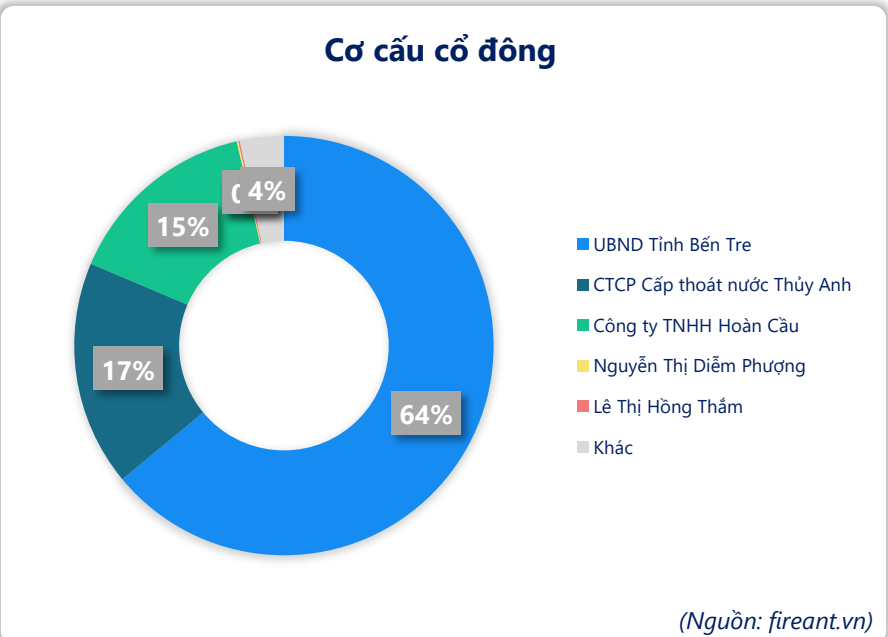
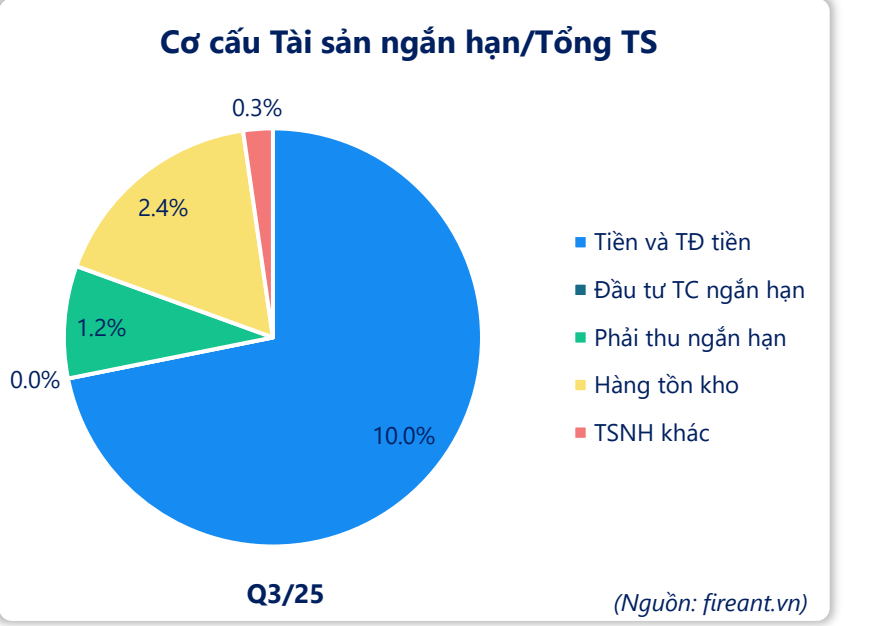
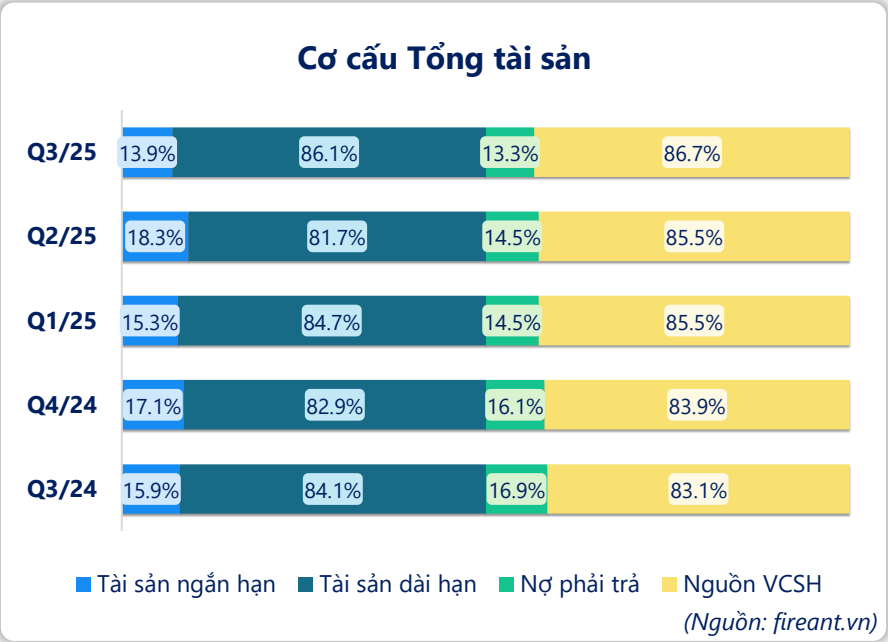
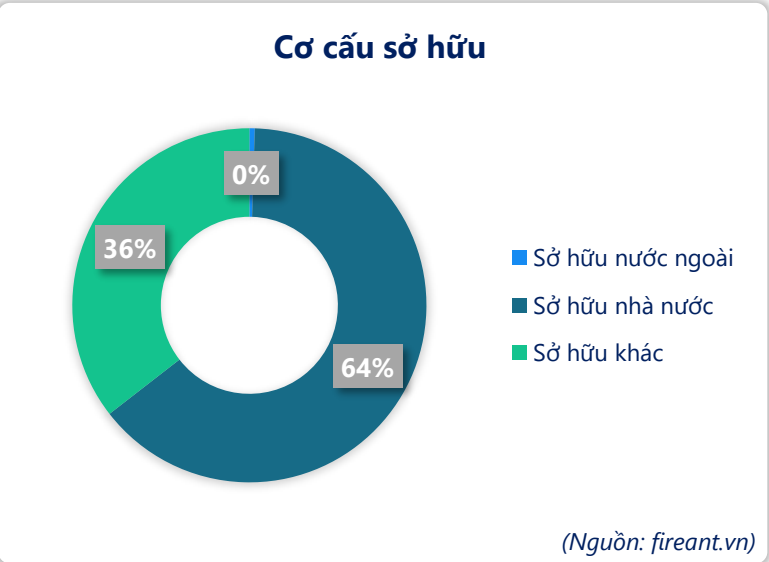
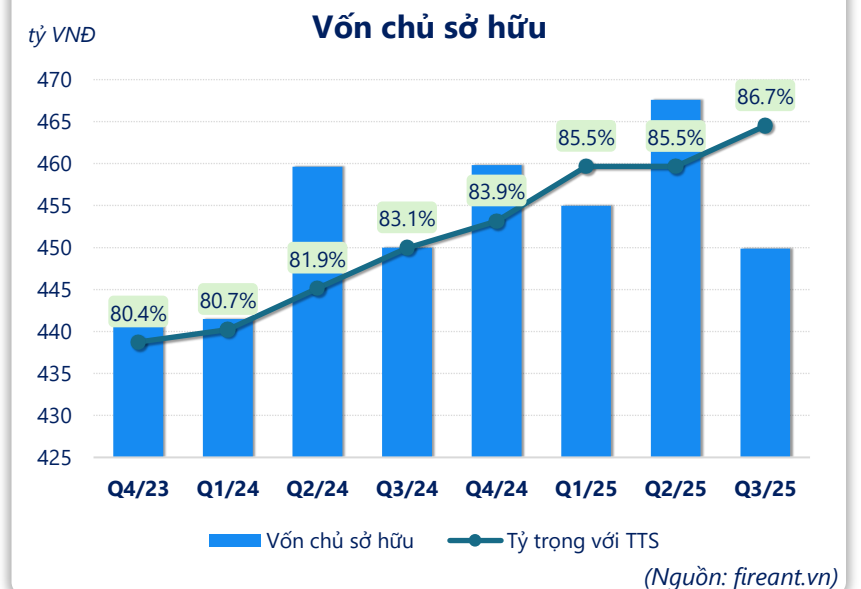
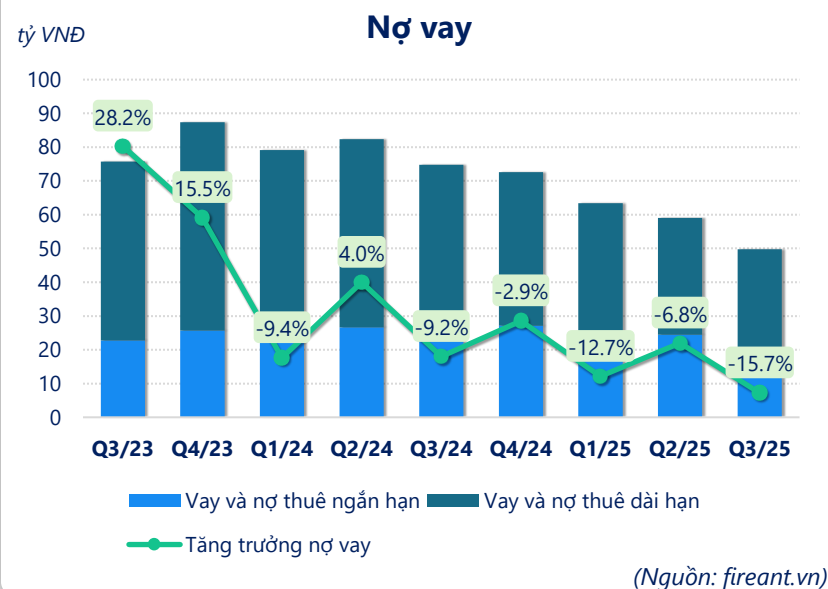
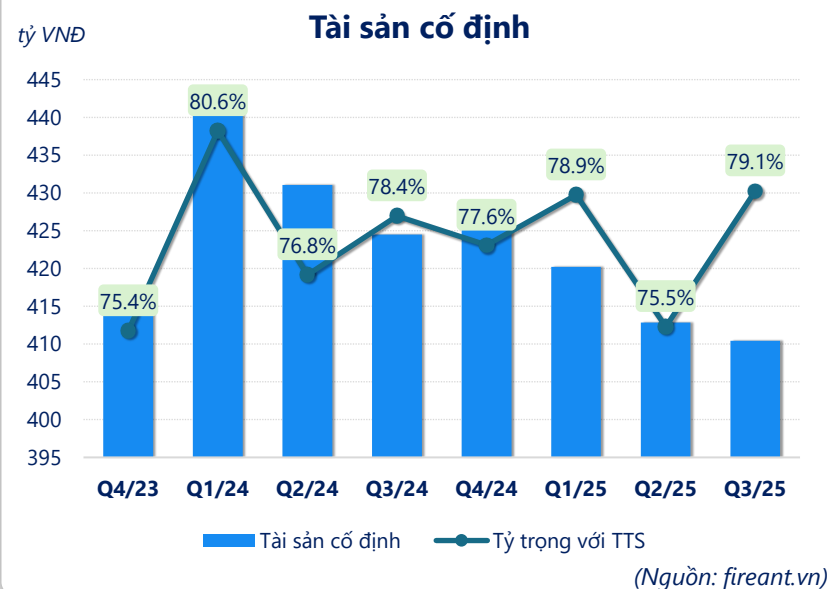
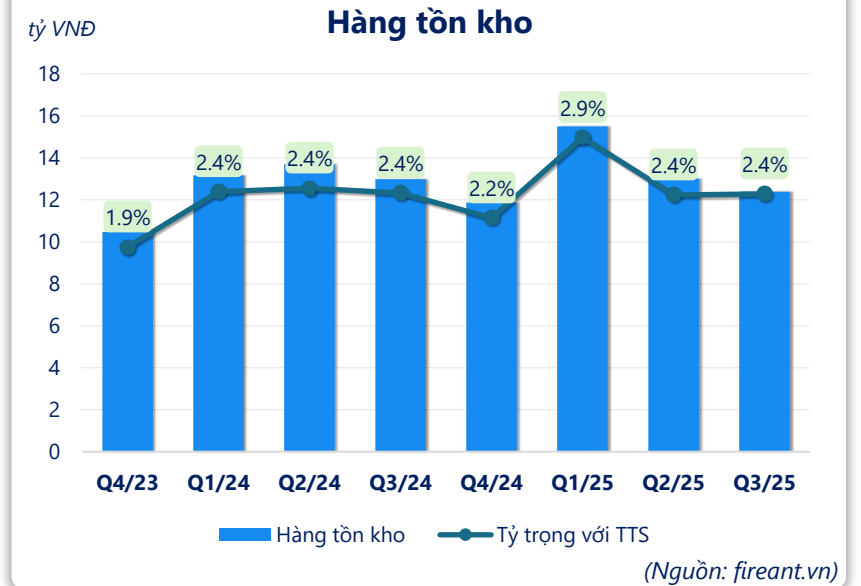
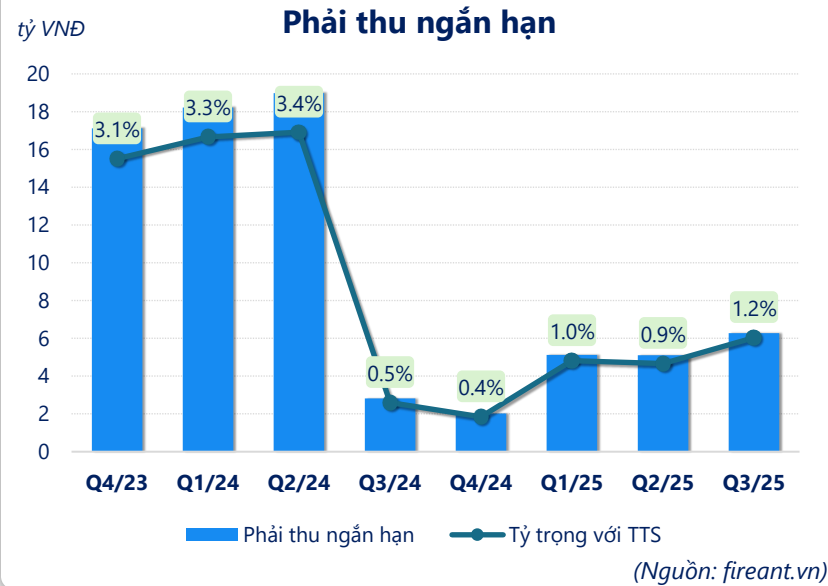
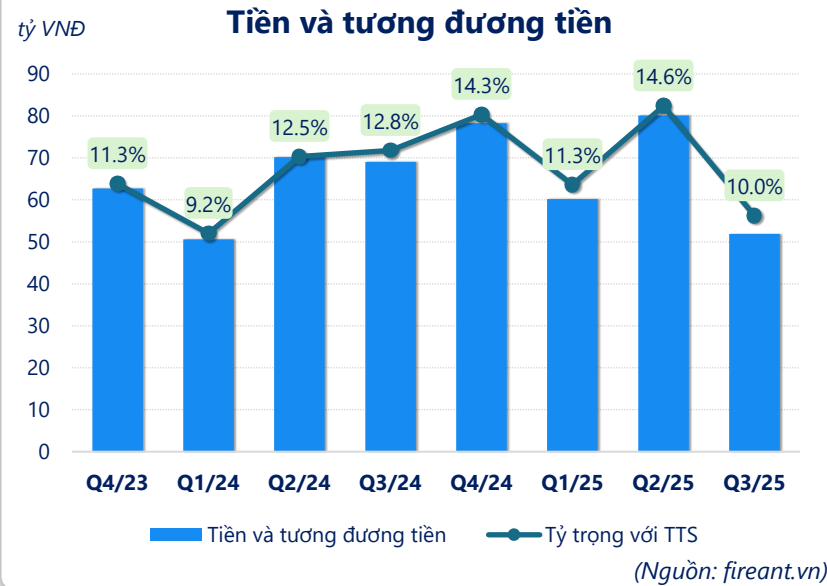
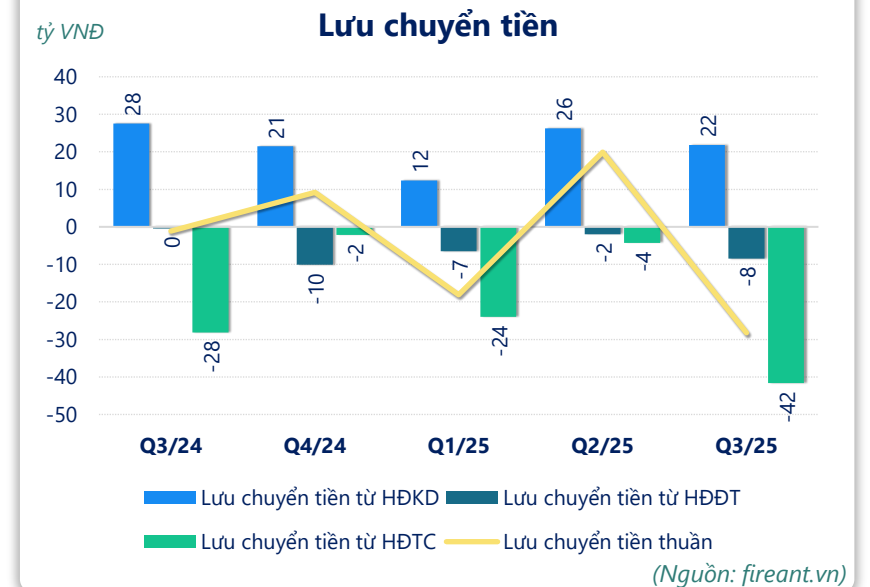
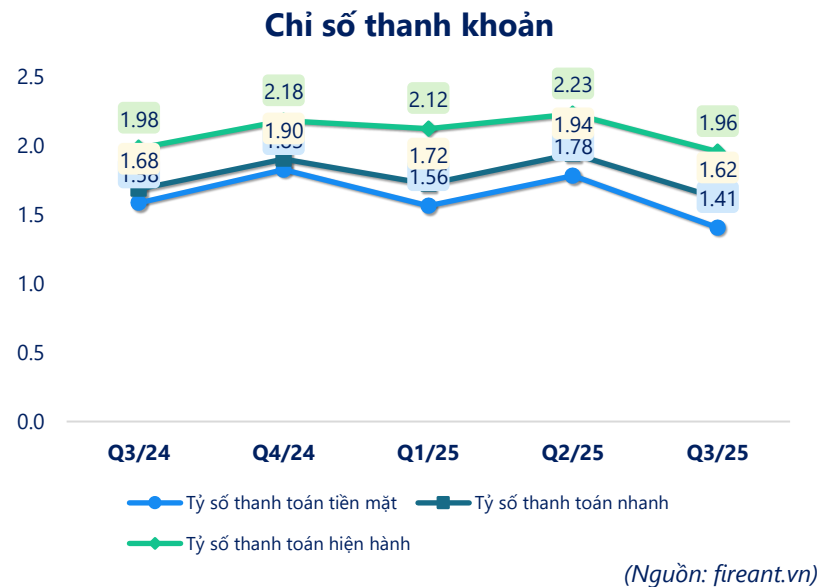
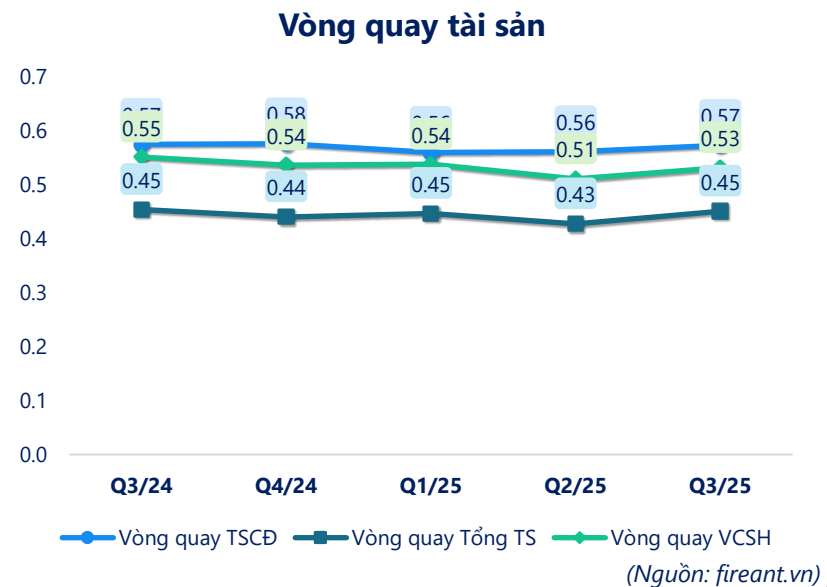
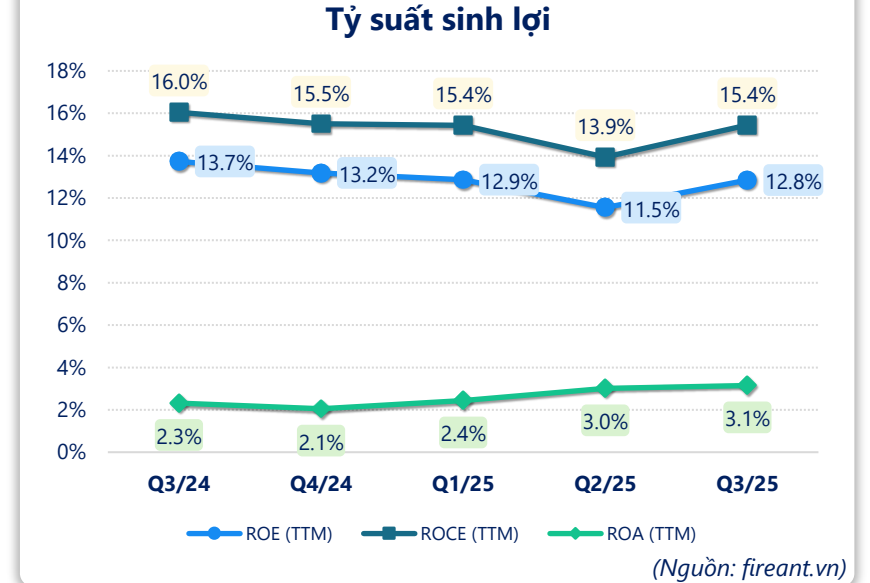
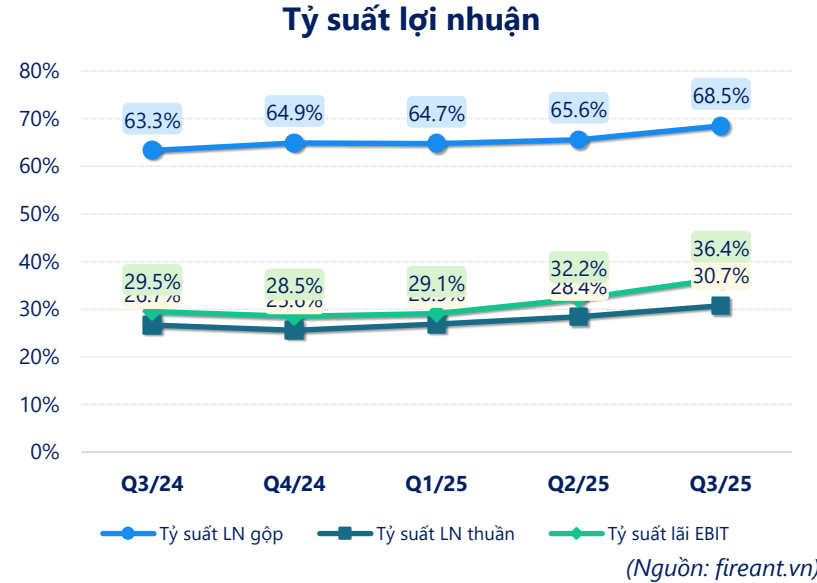
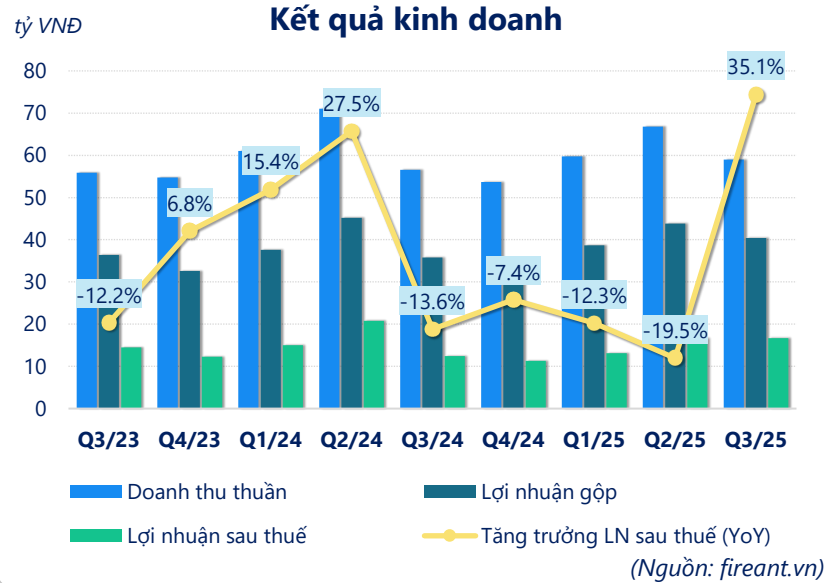


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,872
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,664
SL cổ phiếu LH		29,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		665
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		547
P/E		9.5
EPS		1,966

	YTD	1T	3T	6T
NBT	9.5%	8.8%	7.1%	3.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	519	548	-5.3%
Tài sản ngắn hạn	72.2	93.5	-22.8%
Tiền và tương đương tiền	51.9	78.3	-33.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.27	2.02	210%
Hàng tồn kho	12.4	11.9	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.65	1.30	27.0%
Tài sản dài hạn	447	455	-1.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	410	425	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.0	5.99	67.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	26.5	23.1	15.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.3	90.0	-23.0%
Nợ ngắn hạn	36.9	44.5	-17.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.4	27.1	-35.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.42	2.33	132%
Nợ dài hạn	32.4	45.5	-28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.4	45.5	-28.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	450	458	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	450	458	-1.8%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	56.6	53.7	59.8	66.8	59.0
Giá vốn hàng bán	20.8	18.9	21.1	23.0	18.6
Lợi nhuận gộp	35.8	34.9	38.7	43.8	40.4
Doanh thu HĐTC	0.05	0.07	0.04	0.06	0.37
Chi phí TC	1.72	1.62	1.51	1.39	1.32
Chi phí lãi vay	1.72	1.62	1.51	1.39	1.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.0	14.7	15.1	17.1	15.2
Chi phí QLDN	5.01	4.83	6.06	6.38	6.09
LN thuần từ HĐKD	15.1	13.7	16.1	19.0	18.1
Lợi nhuận khác	-0.13	-0.05	-0.23	1.14	2.03
LN trước thuế	15.0	13.7	15.9	20.1	20.2
Lợi nhuận sau thuế	12.4	11.3	13.1	16.7	16.7
LNST của CĐ cty mẹ	12.4	11.3	13.1	16.7	16.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.5	21.4	12.3	26.2	21.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.45	-10.1	-6.50	-2.01	-8.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.2	-2.14	-24.0	-4.32	-41.6
Tiền đầu kỳ	70.1	69.1	78.3	60.2	80.1
Lưu chuyển tiền thuần	-1.08	9.23	-18.1	19.9	-28.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	69.1	78.3	60.2	80.1	51.9

(Nguồn: fireant.vn)